

Bản án số: 352/2025/HS-PT
Ngày: 19 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Trọng C, do có kháng của bị hại Công ty T5 247 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 548/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Phạm Trọng C; Giới tính: Nam; sinh năm 1990; tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 4 P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: 4 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chuyên viên thanh tra giám sát Ngân hàng N1 - Chi nhánh Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Phạm Văn Á và con bà Đàm Thị N; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/02/2024, hiện đã đi chấp hành Bản án hình sự sơ thẩm số 548/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa).

- Bị hại có kháng cáo: Công ty T5;

Địa chỉ trụ sở: Số A tập thể I, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Công C1, sinh năm 1982 (có mặt)

Trú tại: Số E đường L, Tổ C, Q, P, Hà Nam;

Chỗ ở hiện tại: Số D Ngõ A, phố chợ K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

(Ngoài ra trong vụ án có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bất động sản tại địa chỉ 1 P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Lê Khắc T sinh năm 1959, địa chỉ thường trú 1 P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02380 do Ủy ban nhân dân quận P cấp ngày 07/12/2015) và đến ngày 05/02/2021, đã cập nhật chuyển nhượng cho Phạm Trọng C.

Ngày 08/02/2021, C thế chấp nhà đất 181/61/3 Phan Đăng L tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Phòng G để vay số tiền 6.100.000.000 đồng (theo Hợp đồng số 001182 ngày 08/02/2021) và đến tháng 7/2021, khoản vay nêu trên đã bị đưa vào nhóm nợ xấu. Do cần tiền để trả lãi và nợ cho Ngân hàng B nên C thuê người (không rõ lai lịch) làm giả 02 Quyết định chấp thuận cho vay số 55/TB-NHNoTSG-TD ngày 19/8/2021 và số 60/TB-NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 của Ngân hàng N2 Chi nhánh T6 (sau đây viết tắt là A) với nội dung “Ngân hàng A đã đồng ý cho vay tiền 9.300.000.000 đồng” rồi đưa thông tin này lên tài khoản mạng xã hội Facebook, Z của C với mục đích là kêu gọi người có tiền cho C vay để tắt toán hồ sơ vay tại Ngân hàng B, nhằm lấy Giấy chứng nhận ra, sau đó C đem Giấy chứng nhận này thế chấp cho A để vay số tiền 9.300.000.000 đồng.

Thông qua mạng xã hội Facebook, Z, biết C đang có nhu vay tiền để đáo hạn Hợp đồng tín dụng nên Đỗ Cao T1, Phan Minh L1 và Trần Văn T2 (tự là L2) sao chép thông tin của C (gồm các hình ảnh về nhà đất, Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng, chứng minh nhân dân, hộ khẩu và Quyết định chấp thuận cho vay số 55/TB-NHNoTSG-TD ngày 19/8/2021 của A) rồi đăng lại trên tài khoản mạng xã hội Facebook, Z nhằm hưởng tiền môi giới.

Qua tìm hiểu trên mạng Facebook, Công ty Cổ phần T5 (viết tắt Công ty T5), địa chỉ số A, tập thể I, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội, đã liên lạc với Trần Văn T2 để tìm hiểu thông tin và cử ông Vũ Quang M vào Thành phố Hồ Chí Minh để gặp Phạm Trọng C, kiểm tra thông tin liên quan. Sáng ngày 22/10/2021, C đã nhờ Vũ Hoàng P đóng giả là nhân viên tên T3 làm việc tại A đến gặp và đưa cho ông M Quyết định số 60/TB- NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 của A1 tại Khách sạn Q trên đường P, Phường C, quận P, có sự chứng kiến của C và Trần Văn T2. Ông M hỏi C “sao không phải là Quyết định chấp thuận cho vay số 55/TB- NHNoTSG-TD ngày 19/8/2021” thì C giải thích: “ban đầu Quyết định chấp thuận cho vay của Ngân hàng A là Quyết định số 55/TB-NHNoTSG-TD ngày 19/8/2021 có giá trị trong một tháng hết hạn phải xin gia hạn và được cấp Quyết định mới với số 60/TB-NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021”

Ngày 22/10/2021, sau khi nhận được Quyết định chấp thuận cho vay số 60/TB-NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 của A (giả), ông M đã tiến hành ký thỏa thuận cho vay và ký Hợp đồng ủy quyền với Phạm Trọng C với nội dung ông M được tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng B và toàn quyền đối với nhà đất tại địa chỉ 1 P, Phường A, quận P; đồng thời báo về Công ty T5 để chuyển số tiền 5.500.000.000 đồng đến số tài khoản 0127041020200 của C mở tại Ngân hàng B, lãi suất 11.000.000 đồng/ngày (tương đương 73%/năm).

Sau khi nhận được tiền, C không tắt toán khoản vay tại Ngân hàng B như thỏa thuận mà chỉ thanh toán số tiền 400.000.000 đồng gồm một phần dư nợ gốc và tiền lãi của khoản vay; C trả nợ cho ông Nguyễn Chí T4 số tiền 2.300.000.000 đồng; C cho Trần Văn T2 số tiền 410.000.000 đồng, T2 giữ 110.000.000 đồng và chia cho nhóm môi giới ở Hà Nội (không rõ lai lịch) 300.000.000 đồng; C cho Đỗ Cao T1 và Phan Minh L1 mỗi người 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 2.350.000.000 đồng, C giữ lại tiêu xài hết.

Ngày 23/10/2021, Phạm Trọng C điện thoại nói với Vũ Hoàng P là đã vay được tiền và dặn P không liên lạc với ông M nữa. Do nghi ngờ C đã làm việc sai trái với ông M nên P điện thoại báo cho ông M biết sự thật P không phải là nhân viên A. Ông M đến Ngân hàng A để tìm hiểu thì biết Quyết định chấp thuận cho vay số 60/TB- NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 là giả. Đến ngày 28/10/2021, ông Vũ Quang M có đơn tố giác Phạm Trọng C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và giao nộp các tài liệu có liên quan.

Đến ngày 24/02/2022, C đã chuyển nhượng nhà và đất ở tại số A P, Phường A, quận P cho ông Huỳnh Văn P1, sinh năm 1983, ngụ tại Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp với giá trị trên Hợp đồng là 7.900.000.000 đồng (theo yêu cầu của P1) nhưng thực chất C chỉ nhận số tiền 6.170.000.000 đồng. C dùng 6.160.000.000 đồng để tắt toán khoản vay tại Ngân hàng B, còn lại 10.000.000 đồng đã tiêu xài hết. Ngày 03/3/2024, P1 đem Giấy chứng nhận nêu trên (đã cập nhật sang tên P1) thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần C2, chi nhánh N3, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của Huỳnh Văn P1 để làm việc nhưng không có kết quả.

Theo Bản kết luận giám định số 158/KLGĐ- TT ngày 27/12/2021, Phòng K Công an Thành phố H kết luận đối với Quyết định chấp thuận cho vay số 60/TB-NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 của Ngân hàng A (ký hiệu A):

*“- Hình dấu tròn có nội dung “NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN * M.S.C.N:0100686174-109-C.T.T.N.H.H * QUẬN 12 – TP HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) được làm giả bằng phương pháp in phun màu.*

- Chữ ký mang tên “Lại Viết Cường” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) được làm giả bằng phương pháp in phun màu”.

Theo Bản kết luận giám định số 652/KLGĐ-TT ngày 14/02/2022 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận đối với dấu vân tay, chữ ký và chữ viết trên Hợp

đồng ủy quyền số công chứng 06303 ngày 22/10/2021: “*dấu vân tay và chữ ký, chữ viết của Phạm Trọng C trên tài liệu giám định và tài liệu so sánh là của cùng một người*”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Trọng C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và phù hợp với lời khai bị hại, kết quả giám định, kết quả xác minh và tài liệu đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 628/CT-VKS-P2 ngày 30/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Trọng C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 548/2024/HS-ST ngày 26/11/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng C 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Phạm Trọng C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2024.

2. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc Phạm Trọng C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T5 tổng số tiền là 5.799.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2024 Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng của của bị hại Công ty T5 247 (đơn ghi ngày 28/11/2024), với nội dung:

“1. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phong tỏa tài sản là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 5, địa chỉ số A P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và tuyên trả mảnh đất này cho Công ty T5 247.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố ông Huỳnh Văn P1 là đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Công ty T5 247”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Vũ Công C1 trình bày: Khi xem xét lời khai của bị cáo Phạm Trọng C, công ty T5 cho rằng giao dịch mua bán tài sản giữa bị cáo Phạm Trọng C và ông Huỳnh Văn P1 là trái quy định của pháp luật. Bị cáo C đã nói rõ cho P1 biết đây là tài sản đang thế chấp cho công ty T5 và ông Huỳnh Văn P1 vẫn đồng ý cùng với bị cáo C thực hiện việc mua bán, làm cho công ty T5 không thể thực hiện được quyền của mình đối với tài sản và không thể thu hồi được tài sản. Đại diện bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm phong tỏa tài sản là thửa đất số 56, tờ bản đồ số 05, địa chỉ 181/61/3 Phan Đăng L và tuyên trả lại cho công ty T5 và truy tố ông Huỳnh Văn P1 là đồng phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của công ty T5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử Phạm Trọng C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 174, Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo C đã có hành vi lừa đảo 5.500.000.000 đồng của Công ty T5 vay Online 247 nhưng chưa bồi thường. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và đại diện bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bị cáo C có trách nhiệm trả cho bị hại tổng số tiền 5.799.000.000 đồng (trong đó có 5.500.000.000 đồng tiền gốc và 299.000.000 đồng tiền lãi). Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và đại diện bị hại là phù hợp.

Đối với nhà và đất tại địa chỉ số A P, Phường A, quận P, ông Huỳnh Văn P1 là người nhận chuyển nhượng, số tiền chuyển nhượng bị cáo C dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng B. Việc chuyển nhượng nhà đất đã trước bạ, sang tên xong. Đến ngày 03/3/2024, ông P1 đã thế chấp nhà cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 - Chi nhánh N3 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc phong tỏa tài sản này để trả cho người bị hại.

Đối với ông Huỳnh Văn P1, quá trình điều tra giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ yêu cầu cơ quan điều tra làm rõ P1 có dấu hiệu giúp cho bị cáo C tẩu tán tài sản, có vai trò đồng phạm với bị

cáo C hay không. Tuy nhiên, cơ quan điều tra kết luận không đủ cơ sở xác định mối quan hệ giữa C với P1 trong việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên để giúp C tẩu tán tài sản. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc xử lý P1 với vai trò đồng phạm với C.

Bị hại Công ty T5 vay Online 247 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Phạm Trọng C nhận chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ số A P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Lê Khắc T. Sau đó, C dùng tài sản này để thế chấp tại Ngân hàng TMCP B - Phòng G vay 6.100.000.000 đồng. Do bị nợ xấu và cần tiền trả cho Ngân hàng B nên C đã thuê người làm giả Quyết định chấp thuận cho vay số 60/TB-NHNoTSG-TD ngày 27/9/2021 của Ngân hàng A, rồi sử dụng các tài liệu giả này làm thủ tục vay của Công ty T5 247 số tiền 5.500.000.000 đồng, rồi chiếm đoạt. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt Phạm Trọng C 13 (mười ba) năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 174, Điều 341 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh và hình phạt đối với Phạm Trọng C theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đại diện bị hại:

[2.1]. Đối với nhà và đất tại địa chỉ số A P, Phường A, quận P, ông Huỳnh Văn P1 là người nhận chuyển nhượng, số tiền chuyển nhượng bị cáo C dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng B. Việc chuyển nhượng nhà đất đã trước bạ, sang tên xong. Đến ngày 03/3/2024, ông P1 đã thế chấp nhà cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 - Chi nhánh N3.

[2.2]. Quá trình điều tra giải quyết vụ án, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ yêu cầu cơ quan điều tra làm rõ ông P1 có dấu hiệu đồng phạm giúp cho C tẩu tán tài sản hay không. Tại Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 1103/KLĐTBS - PC01 - Đ3 ngày 04/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H có quan điểm như sau: “*Căn cứ kết quả điều tra bổ sung đủ cơ sở kết luận: Không đủ cơ sở để xác định mối quan hệ của Phạm Trọng C với Huỳnh Văn P1 trong việc chuyển nhượng nhà và đất ở tại số A P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là nhằm giúp C tẩu tán tài sản*”. Hơn nữa, nhà đất nêu trên đã được thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C2 - Chi nhánh N3. Do đó, kháng cáo của đại diện bị hại yêu cầu phong tỏa tài sản là nhà đất nêu trên và tuyên trả tài sản này cho Công ty T5 vay Online 247, đồng thời truy tố ông Huỳnh Văn P1 đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”, là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo pháp luật của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3]. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện trong số 5.500.000.000 đồng chiếm đoạt của bị hại, Phạm Trọng C trả cho ông Nguyễn Chí T4 2.300.000.000 đồng, chuyển cho Trần Văn T2 410.000.000 đồng, Phan Minh L1 20.000.000 đồng, Đỗ Cao T1 20.000.000 đồng và Ngân hàng B thu một phần gốc, lãi, lãi quá hạn của khoản vay khoảng 400.000.000 đồng, số tiền còn lại, C tiêu xài hết. Tại cơ quan điều tra, C khai nhận không có khả năng khắc phục hậu quả cho bị hại. Như vậy, Phạm Trọng C đã dùng số tiền do phạm tội mà có để chi trả cho những chủ thể nêu trên. Mặc dù, những chủ thể nêu trên không biết đó là số tiền do C phạm tội mà có, nhưng căn cứ Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì số tiền do phạm tội mà có phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến vấn đề này là thiếu sót, bị hại không kháng cáo về vấn đề này. Do giới hạn của việc xét xử nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại phân trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 548/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T5 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T5 247;

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 548/2024/HS-ST ngày 26/11/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần:

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc Phạm Trọng C phải bồi thường cho Công ty Cổ phần T5 tổng số tiền là 5.799.000.000 đồng (năm tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại phần trách nhiệm dân sự theo thủ tục giám đốc thẩm.

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần T5 phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0069643 ngày 31/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty Cổ phần T5 đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Bị cáo (Trại giam tổng đạt);
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa